**NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TỈNH ĐẮK NÔNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung, nhiệm vụ** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Thời gian thực hiện** |
| **A** | **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH** |  |  |  |
| **I** | **BAN HÀNH VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH** |  |  |  |
| 1 | Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo điều hành đẩy mạnh CCHC, cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Hàng năm |
| 2 | Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo điều hành đẩy mạnh thu hút đầu tư, cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Hàng năm |
| **II** | **PHỒ BIẾN, TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP KINH NGHIỆM** |  |  |  |
| 1 | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 04/11/2022 của Tỉnh ủy. | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Sở Nội vụ | Thường xuyên |
| 2 | Thực hiện tuyên truyền các nội dung CCHC, thu hút đầu tư; cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, PCI trên các phương tiện thông tin đại chúng trong, ngoài tỉnh. | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Các cơ quan thông tin đại chúng; cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| 3 | Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm về CCHC; cải thiện và nâng cao nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, PCI | Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Hàng năm |
| 4 | Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử. | Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Thường xuyên |
| 5 | Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Hàng năm |
| 6 | Tổ chức Hội nghị đánh giá công tác CCHC, cải thiện nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, PCI. | Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Hàng năm |
| 7 | Tổ chức Đoàn học tập kinh nghiệm CCHC; công tác lưu trữ, chỉnh lý tài liệu, số hóa điện tử. | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Hàng năm |
| **III** | **CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT** |  |  |  |
| 1 | Tổ chức kiểm tra liên ngành công tác CCHC. | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Hàng năm |
| 2 | Tổ chức kiểm tra liên ngành việc thực hiện nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Hàng năm |
| 3 | Thường xuyên tổ chức kiểm tra thực thi công vụ. | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị  ó liên quan | Thường xuyên |
| 4 | Thường xuyên tổ chức khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Thường xuyên |
| **IV** | **CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CÁC CHỈ SỐ** |  |  |  |
| 1 | Tổ chức tự đánh giá, xác định Chỉ số CCHC của tỉnh. | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Hàng năm |
| 2 | Ban hành Kế hoạch cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh. | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Hàng năm |
| 3 | Tổ chức đánh giá, công bố Chỉ số CCHC các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện. | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Hàng năm |
| 4 | Tổ chức đánh giá, công bố Chỉ số CCHC cấp xã. | UBND cấp huyện | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Hàng năm |
| 5 | Ban hành Kế hoạch cải thiện và nâng cao Chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh. | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Hàng năm |
| 6 | Tổ chức đánh giá, công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, ngành và địa phương (DDCI). | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Hàng năm |
| **V** | **BỐ TRÍ NGUỒN LỰC** |  |  |  |
| 1 | Bố trí đầy đủ nhân lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, PCI. | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Sở Nội vụ | Thường xuyên |
| 2 | Bố trí nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để triển khai thực hiện các nhiệm vụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Sở Tài chính | Thường xuyên |
| 3 | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ CBCCVC tham mưu công tác CCHC, cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, PCI. | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Sở Nội vụ | Thường xuyên |
| **B** | **TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ CÁC NHIỆM VỤ CCHC** |  |  |  |
| **I** | **CẢI CÁCH THỂ CHẾ** |  |  |  |
| 1 | Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế về tổ chức thi hành pháp luật. Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật hàng năm tại các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã. Tăng cường phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật. | Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Hàng năm |
| 2 | Đổi mới công tác kiểm tra, khảo sát, đánh giá tình hình thi hành pháp luật việc thực hiện trách nhiệm. Theo đó, tăng cường theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật. | Sở Tư pháp | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Hàng năm |
| 3 | Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Trong đó, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã; bảo đảm các điều kiện cần thiết để phục vụ việc tổ chức thi hành pháp luật. | Sở Tư pháp | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Hàng năm |
| 4 | Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật. | Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; cấp xã | Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp | Hàng năm |
| 5 | Xây dựng và hoàn thiện các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật và phù hợp tình hình thực tế địa phương. Trong đó, chú trọng hoàn thiện các văn bản QPPL có liên quan đến lĩnh vực: Đầu tư kinh doanh, xây dựng, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức …; đồng thời, gắn kết chặt chẽ công tác xây dựng văn bản QPPL với thi hành pháp luật. | Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh | Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan đơn vị có liên quan | Hàng năm |
| 6 | Thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản QPPL; tuân thủ chặt chẽ quy trình xây dựng văn bản QPPL. Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản QPPL kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý các văn bản có nội dung không phù hợp quy định của pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của địa phương. | Sở Tư pháp | Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã | Hàng năm |
| **II** | **CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** |  |  |  |
| 1 | Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; đề xuất loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; đề xuất tích hợp, cắt giảm các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có. | Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan đơn vị liên quan | Hàng năm |
| 2 | Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không cần thiết, không hợp lý. Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025. | Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan đơn vị liên quan | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 3 | Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Phối hợp thực hiện việc vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đạt hiệu quả. | Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 4 | Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, trong đó tập trung: (1) Mở rộng việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; (2) Ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện giám sát, đánh giá tự động một cách thường xuyên, liên tục, chủ động, kịp thời tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa các cấp cũng như mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC... | Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan đơn vị liên quan | Hàng năm |
| 5 | Triển khai thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhũng nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân. | Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan đơn vị liên quan | Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ |
| 6 | Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị. | Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 7 | Triển khai hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với Bộ phận Một cửa từ cấp tỉnh đến cấp huyện. | Văn phòng  UBND tỉnh | Các cơ quan đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 8 | Rà soát, cập nhật đầy đủ, đồng bộ quy trình điện tử, quy trình nội bộ trên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử. | Văn phòng  UBND tỉnh | Các cơ quan đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 9 | Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa điện tử cho CBCC các cấp. | Văn phòng  UBND tỉnh | Các cơ quan đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| **III** | **CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC** |  |  |  |
| 1 | Hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đảm bảo các tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ. | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Sở Nội vụ, các cơ quan có liên quan | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 2 | Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành. | Sở Nội vụ |  | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 3 | Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định. | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị  có liên quan | Khi có hướng dẫn của Trung ương |
| 4 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa các cấp ở địa phương. | Các sở ban ngành |  | Thường xuyên |
| 5 | Đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ. | Sở Nội vụ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Giai đoạn  2022 - 2030 |
| 6 | Thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. | Sở Nội vụ | Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương | Giai đoạn  2022 - 2030 |
| **IV** | **CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ** |  |  |  |
| 1 | Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. | Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND cấp huyện | Sở Nội vụ | Thường xuyên |
| 2 | Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức. | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập; UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2030 |
| 3 | Hoàn thiện và ban hành quyết định vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ. | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Năm 2022 |
| 4 | Phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ. | Sở Nội vụ | Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Năm 2022 |
| 5 | Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng tiêu chuẩn, chức danh. | Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND cấp huyện | Sở Nội vụ | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 6 | Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức. | Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND cấp huyện | Sở Nội vụ | Hàng năm |
| 7 | Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND cấp huyện | Hàng năm |
| 8 | Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. | Sở Nội vụ | UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan | Hàng năm |
| **V** | **CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG** |  |  |  |
| 1 | Nâng cao năng lực, hiệu quả giám sát và bảo đảm an ninh tài chính của tỉnh. | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành và địa phương | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 2 | Thực hiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định và chuyển đổi cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế nhà nước đặt hàng theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương. | Các sở, ban, ngành  và địa phương | Sở Tài chính; các đơn vị liên quan | Hàng năm |
| 3 | Trình cấp có thẩm quyền ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của ngành. | Sở Tài chính | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 4 | Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở thực hiện cho việc ban hành giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. | Sở Tài chính | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 5 | Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn về chi thường xuyên và chi đầu tư. | Sở Tài chính | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 6 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. | Sở Tài chính | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 7 | Ban hành các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ) theo thẩm quyền phân cấp. | Sở Tài chính | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| **VI** | **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ** |  |  |  |
| 1 | Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của tỉnh hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Hàng năm |
| 2 | Triển khai quy định về định danh và xác thực điện tử. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Văn phòng UBND tỉnh | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 3 | Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại tỉnh. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 4 | Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Hàng năm |
| 5 | Xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ tỉnh; thực hiện chia sẻ dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Hàng năm |
| 6 | Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Hàng năm |
| 7 | Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 8 | Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 9 | Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. | Sở Thông tin và Truyền thông | Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 10 | Triển khai hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn của Chính phủ. | Văn phòng UBND tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | Hàng năm |
| 11 | Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ. | Sở Nội vụ | Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Hàng năm |
| 12 | Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 13 | Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ điện tử tại tỉnh. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Hàng năm |
| 14 | Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Văn phòng UBND tỉnh | Năm 2022 |
| 15 | Hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 16 | Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước. | Văn phòng UBND tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông; Ccác sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 17 | Triển khai, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2025 |
| 18 | Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh. | Sở Thông tin và  Truyền thông | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban ngành, UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2030 |
| 19 | Triển khai Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC. | Văn phòng UBND tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Giai đoạn  2022 - 2025 |